

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN.

Nguyễn Thị Kim Nhung¹, Nguyễn Thị Linh Trang²,
Lê Thu Hoài³

Tóm tắt

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 7.340 doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hoạt động kinh doanh, số tiền thu được từ khu vực này chiếm tỉ trọng 20% trong tổng nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp và chiếm khoảng 10% tổng thu ngân sách tỉnh Thái Nguyên. Trong công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp thì hoạt động kiểm soát thuế là một hoạt động quan trọng. Vì vậy, hoạt động kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu đăng ký, khâu kê khai thuế, khâu thanh tra, kiểm tra, khâu thu nợ thuế tốt thì hoạt động thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mới đạt hiệu quả và tăng nguồn thu ngân sách tỉnh. Qua quá trình thu thập số liệu sơ cấp, số liệu thứ cấp và qua phân tích tổng hợp, nhóm tác giả nhận thấy rằng hoạt động thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là tương đối tốt. Cùng với đó, hoạt động kiểm soát thuế được thực hiện đúng quy trình và các nội dung. Tuy nhiên, nghiên cứu này đã chỉ ra một số vấn đề vẫn còn một số tồn tại trong công tác kê khai thuế và thanh tra, kiểm tra thuế. Đây là cơ sở để đưa ra những biện pháp phù hợp với thực tế nhằm để khắc phục các tồn tại đó.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tỉnh Thái Nguyên.

INCREASING CONTROL OF CORPORATE INCOME TAX FOR SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

Currently, 7.340 small and medium enterprises (SMEs) are operating in Thai Nguyen province; the proceeds from those SMEs account for a significant amount of corporate income tax (CIT) and total budget revenue of Thai Nguyen province at 20% and 10%, respectively. In CIT management, tax control is an important activity. Therefore, if the tax control including registration, declaration of CIT, inspection and examination of CIT, and CIT debt collection is efficient, the SMEs income tax collection activities in Thai Nguyen province will be more productive, leading to the increase of provincial budget revenue. Through the process of collecting primary and secondary data and through meta-analysis, the authors find that CIT collection for SMEs in Thai Nguyen province is relatively good. Along with that, tax control activities are carried out in accordance with the regulatory process. Besides, this study illustrates some limitations in tax declaration and tax inspection. Hence, this study provides solutions to enhance corporate income tax controls

Keywords: Corporate income tax, SMEs, Thai Nguyen province.

JEL classification: M, M2, M41, M48.

1. Đặt vấn đề

Thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế rất quan trọng trong hệ thống thuế của các quốc gia. Thuế thu nhập doanh nghiệp không chỉ quan trọng trên phương diện là công cụ tạo số thu lớn cho ngân sách nhà nước, mà còn là công cụ rất hữu hiệu để nhà nước thực hiện điều tiết vĩ mô nền kinh tế, điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế. Kiểm soát được thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội [7].

Theo báo cáo tổng hợp số liệu doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên, tính đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 7.340 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) [11] tham gia hoạt động kinh doanh, không ngừng tích cực tham gia ý kiến xây

dựng các văn bản chính sách pháp luật và quy định của địa phương có liên quan đến doanh nghiệp, đồng thời luôn gương mẫu và dẫn đầu trong việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trong đó có thuế TNDN. Số tiền thu được từ khu vực này chiếm tỉ trọng 20% trong tổng nguồn thu từ thuế TNDN và chiếm khoảng 10% tổng thu ngân sách tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, công tác kiểm soát thuế TNDN đang bộc lộ nhiều điểm yếu và vướng mắc, dẫn tới số thu thuế tuy có tăng nhưng tốc độ tăng không cao và vẫn còn xảy ra tình trạng chậm thu hoặc thu thiếu ở một bộ phận DNNVV [7].

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, thuế được coi là nguồn thu chủ yếu của nhà nước để phát triển kinh tế xã hội, do đó nghiên cứu về thuế TNDN trở thành đối tượng của nhiều nhà khoa học. Các công trình, bài viết nghiên cứu về thuế

TNDN như: nghiên cứu của Đỗ Huy Kỳ (2016), *Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi Cục Thuế thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*, Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế, nghiên cứu này đã chỉ ra hành vi vi phạm doanh nghiệp trong những năm gần đây là: khai bỏ ngoài sổ sách kế toán, không kê khai nộp thuế đối với hàng hoá mua vào; Không kê khai nộp thuế TNDN đối với khoản tiền thưởng nhận được từ nhà phân phối hàng hoá; Thực hiện không đúng chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định, không xác định được kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) trong kỳ; Khai bỏ ngoài sổ sách kế toán doanh thu phát sinh thêm khối lượng công trình; Trích khấu hao TSCĐ không đúng quy định, hạch toán trùng hai lần chi phí SXKD; từ đó nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp như là phải xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý thuế hiện đại, hiệu lực phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan thuế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất, tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ; kiện toàn hệ thống pháp chế chuyên trách. Nghiên cứu việc xã hội hóa trong hoạt động cấp phép đối với đại lý thuế, chứng chỉ hành nghề dịch vụ về thuế nhằm quản lý thuế thu nhập cho doanh nghiệp nói chung và cho khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh Phú Thọ [3].

Nghiên cứu của Lê Thị Minh Phượng (2018) “Một số trao đổi về định hướng hoàn thiện chính sách thuế TNDN ở Việt Nam”, Tạp chí Tài chính, Kỳ 1 - Tháng 06/2018 (682) [4]. Đồng thời tác giả này cũng đã nghiên cứu luận án (2019) “Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay”. Nghiên cứu này đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế TNDN và chính sách thuế TNDN kịp thời phù hợp đúng đắn, phát huy vai trò của chính sách thuế trong huy động nguồn thu cũng như điều tiết, thúc đẩy sự phát triển KT-XH Việt Nam. Nghiên cứu này chỉ ra được hạn chế trong công tác quản lý thuế kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp do số lượng doanh nghiệp biến động thường xuyên trong năm (thành lập mới và giải thể) nên rất khó khăn trong việc nắm bắt, quản lý đối tượng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra hạn chế lớn trong công tác kiểm soát thuế TNDN vẫn còn chồng chéo, trùng lặp và có dấu hiệu không minh bạch nên kém hiệu quả, việc phát hiện và xử lý gian lận, trốn thuế chưa tương xứng với diễn biến thực tế do chưa có bộ phận điều tra thuế [5].

Tại Thái Nguyên, hiện nay đã có nhiều nghiên cứu về quản lý thuế nói chung và quản lý

thuế TNDN nói riêng, song chưa có nghiên cứu cụ thể nào về biện pháp kiểm soát thuế TNDN đối với DNVVN tại Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, do đó nghiên cứu biện pháp tăng cường kiểm soát thuế TNDN đối với DNVVN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn: Báo cáo tổng hợp số liệu doanh nghiệp của Sở kế hoạch và đầu tư năm 2016 - 2020; báo cáo tổng kết thu NSNN hằng năm của Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 về công tác quản lý thuế TNDN đối với các DNVVV trên địa bàn. Ngoài ra còn được khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của cơ quan thuế như: Hệ thống tự khai, tự nộp; phần mềm ứng dụng đăng ký thuế, Hệ thống thanh tra, kiểm tra.

Thông tin sơ cấp thể hiện qua các bảng hỏi gồm các nội dung liên quan đến mục tiêu tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp đối với DNVVN. Đối tượng tác giả phát phiếu điều tra là cán bộ thuế và một số DNVVN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tác giả sử dụng phương pháp tính quy mô mẫu của Linus Yamane để chọn mẫu ngẫu nhiên. Số mẫu tác giả điều tra khảo sát là 190/364 cán bộ thuế tại các chi cục thuế trên địa bàn tỉnh và 380/7340 phiếu (người/chủ các DNNVV) với các DNNVV trên địa bàn tỉnh. Nội dung phiếu khảo sát được thiết kế riêng cho 02 đối tượng khảo sát: Phiếu dành cho cán bộ thuế bao gồm các thông tin cá nhân của người tham gia khảo sát; các nhận định về công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên (lập dự toán thu thuế; đăng ký thuế; khai thuế và nộp thuế; tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế; thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; thanh tra, kiểm tra thuế; xử lý khiếu nại, tố cáo các vấn đề về thuế).

Phiếu dành cho DNNVV trên địa bàn tỉnh, tác giả cũng thu thập thông tin cá nhân của người tham gia khảo sát và các nhận định về công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên (đăng ký thuế; khai thuế và nộp thuế; tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế). Ngoài ra, tác giả thiết kế câu hỏi về chất lượng hoạt động của cán bộ thuế trong công tác kiểm tra kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên.

Sử dụng phương pháp dùng thang đo Likert cho điểm ở 5 mức điểm từ 1 đến 5. Sau khi tổng hợp kết quả theo phiếu điều tra, tác giả tiến hành thực hiện phân tích thống kê mô tả và đánh giá theo giá trị trung bình cộng thu được. Mức ý nghĩa của từng khoảng giá trị như sau:

Bảng 1: Mức ý nghĩa của từng khoảng giá trị theo giá trị trung bình

Mức đánh giá	Ý nghĩa
1,00 – 1,8	Hoàn toàn không đồng ý
1,81 – 2,6	Không đồng ý
2,61 – 3,4	Bình thường
3,41 – 4,2	Đồng ý
4,21 – 5,0	Hoàn toàn đồng ý

Thông tin sau khi thu thập được, tác giả tiến hành phân loại, thống kê thông tin theo thứ tự ưu tiên về mức độ quan trọng của thông tin. Đối với các thông tin là số liệu được nhập và tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá thông qua các bảng biểu. Các dữ liệu thu thập được xử lý bằng công cụ Excel để chiết xuất ra các kết quả theo yêu cầu đánh giá về công tác kiểm tra, kiểm soát thuế TNDN đối với DNVTN. Bài viết sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê để phân tích thực trạng công tác kiểm soát thuế

TNDN đối với DNVTN tỉnh Thái Nguyên, đồng thời chỉ rõ những dữ liệu còn thiếu để bổ sung và cập nhật thông tin giúp công tác nghiên cứu thực trạng đạt hiệu quả hơn giai đoạn 2018-2020.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Thái Nguyên

Số lượng DNVTN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 -2020 được tổng hợp dưới bảng sau:

Bảng 2: Thực trạng số lượng và tổng số thu thuế TNDN của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Doanh nghiệp	6.598	6.832	7.492
2	Tổng số doanh nghiệp vừa và nhỏ	Doanh nghiệp	6.466	6.694	7.340
3	Tổng số thuế TNDN	Triệu đồng	2.831.500	3.340.309	3.518.000
4	Số thuế TNDN của DNVTN	Triệu đồng	740.000	710.500	780.000

Nguồn: Cục thuế tỉnh Thái Nguyên

Năm 2020 tổng số lượng doanh nghiệp trên địa bàn Thái Nguyên là 7492 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 103.576 tỷ đồng, số doanh nghiệp thành lập mới 747 doanh nghiệp tuy nhiên số doanh nghiệp giải thể là 76 doanh nghiệp, 436 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động [11]. Điều này cho thấy số lượng DNVTN chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và số lượng DNVTN có xu hướng tăng trong giai đoạn năm 2018 – 2020. Số DNVTN tăng lên hàng năm là do số doanh nghiệp mới thành lập lớn hơn số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động. Chính vì vậy, đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến giá trị đóng góp của đối tượng này vào NSNN thông qua thuế TNDN cũng tăng lên trong giai đoạn này. Tuy nhiên, mức độ tăng lên chưa nhiều, vẫn còn hiện tượng trốn thuế, kê khai sai... Chính vì vậy, cơ quan thuế nhà nước cần kiểm soát thuế chặt chẽ hơn thông qua các khâu sau:

* Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế thu nhập DNVTN tỉnh Thái Nguyên

Trong thời gian qua, các chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên luôn đẩy mạnh công tác quản lý khai thuế và thực hiện nhận và xử lý các hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế nhanh chóng, chính xác. Các chi cục Thuế tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng công nghệ quét mã vạch hai chiều trong việc nhận và nhập hồ sơ khai thuế, đồng thời triển khai tốt công tác kê khai thuế qua mạng. Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế do ngành thuế cung cấp. Việc chuyển sang quy trình tự tính thuế, tự khai và tự nộp đã đề cao được sự chủ động cũng như tự chịu trách nhiệm của đối tượng nộp thuế trong việc kê khai, tính thuế. Lợi ích của việc áp dụng quy trình mới đã thể hiện rõ: Khối lượng công việc của các cán bộ thuế có phần giảm bớt, các doanh nghiệp tự giác hơn, chủ động hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình và điều quan trọng nhất là thiết lập được niềm tin giữa doanh nghiệp đối với cơ quan thuế trong quản lý thuế.

Bảng 3: Thực trạng khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Số doanh nghiệp	DN	6.466	6.694	7.340
2	Số bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN đã nộp đúng hạn	Bộ	15.004	16.084	18.396
3	Số bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN chậm nộp	Bộ	96	103	126
4	Số bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN chưa nộp	Bộ	42	41	40
5	Tỷ lệ bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN đã nộp	(%)	99,72	99,74	99,78

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

Qua bảng 3 cho thấy tỷ lệ DNNVV nộp bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN từ năm 2018 - 2020 luôn đạt mức trên 99%. Do cơ quan thuế đã triển khai sử dụng phần mềm kê khai thuế và tiếp nhận bộ hồ sơ kê khai thuế trực tuyến bằng phương pháp trực tuyến. Tuy vậy vẫn còn tồn tại một số lượng bộ hồ sơ kê khai thuế TNDN chưa nộp dẫn tới tỷ lệ nộp bộ hồ sơ kê khai thuế đã nộp, ảnh hưởng tới chất lượng kê khai thuế TNDN. Điều này chứng tỏ vẫn còn có những DNNVV kinh doanh không có hiệu quả, hoặc do các doanh nghiệp này trên thực tế đã được cấp giấy phép kinh doanh và được cấp mã số thuế nhưng không kinh doanh nên không kê khai thuế, hoặc trường hợp doanh nghiệp giải thể nên không kê khai nộp thuế. Đối với từng trường hợp cụ thể các chi cục thuế tên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chưa thực hiện được các thủ tục pháp lý để yêu cầu những doanh nghiệp này kê khai thuế đúng quy định hoặc đóng mã số thuế và đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi giấy phép kinh doanh.

Kiểm soát ở khâu thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên

Việc thanh tra - kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được tiến hành dựa trên cơ sở người nộp thuế không thực hiện giải trình thông tin tài liệu theo Thông báo của chi cục thuế, hoặc giải trình nhưng không chứng minh được số thuế khai là đúng. Ngoài ra việc kiểm tra còn thực hiện theo danh sách chi cục thuế phê duyệt theo lựa chọn của chi cục đã xây dựng từ cuối năm trước. Hoặc qua phân tích, đánh giá Hồ sơ kê khai thuế, cán bộ thuế phát hiện các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính qua các năm của người nộp thuế có dấu hiệu nghi vấn như: tỷ trọng các khoản mục chi phí trên doanh thu của từng năm có sự biến động lớn, hay tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thấp, chi phí sản xuất kinh doanh dờ dằng nhiều trong khi tài khoản khách hàng ứng trước dư không lớn ... thì cũng lựa chọn đưa vào danh sách phải thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Bảng 4: Thực trạng thanh tra - kiểm tra thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch 2019/2018		Chênh lệch 2020/2019	
						Giá trị	%	Giá trị	%
1	Số doanh nghiệp bị kiểm tra thuế theo kế hoạch	Doanh nghiệp	520	530	543	10	1,92	13	2,54
2	Số doanh nghiệp bị kiểm tra thuế trên thực tế	Doanh nghiệp	509	525	564	16	3,18	39	7,41
3	Tỷ lệ d = (2)/(1)	%	97,86	99,07	103,78				
4	Số DNNVV có vi phạm (3)	Doanh nghiệp	503	512	558	9	1,79	46	8,98
5	Tỷ lệ e = (3)/(2)	%	98,85	97,51	98,94				
	Số tiền phạt	triệu đồng	1323	1346	1378	23	1,74	32	2,38
	– Phạt trốn thuế	triệu đồng	54	50	50	-4	-7,41	0	0,00
6	– Phạt kê khai sai	triệu đồng	974	972	971	-2	-0,21	-1	-0,10
	– Phạt nộp chậm	triệu đồng	206	228	268	22	10,68	40	17,54
	– Phạt hành chính khác	triệu đồng	89	96	89	7	7,87	-7	-7,29

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

Thời gian qua, công tác kiểm tra thuế tại chi cục thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thực hiện đối với tất cả các sắc thuế và do Phòng Thanh tra - Kiểm tra tiến hành. Tuy nhiên việc gian lận và trốn thuế thường xảy ra khi người nộp thuế kê khai, xác định nghĩa vụ thuế TNDN nên công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thường đi sâu vào sắc thuế này.

Theo bảng 4, số lần kiểm tra thuế TNDN đối với DNNVV năm 2018 là 509 lần, đạt 97,86% so với kế hoạch; năm 2019 là 525 lần, đạt 99,07%, năm 2020 là 564 lần, đạt 103,78% kế hoạch đặt ra.

Qua những lần kiểm tra người nộp thuế, các chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã kịp thời phát hiện những sai sót và vi phạm của người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. Năm 2018, các chi cục thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện 503 DNNVV vi phạm; năm 2019 là 512 doanh nghiệp, năm 2020 là 558 DNNVV vi phạm, có thể nhận thấy rằng số lượng các doanh nghiệp vi phạm tăng lên. Tuy các chi cục thuế tỉnh Thái Nguyên đã tích cực rà soát, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các doanh nghiệp trong quá trình kê khai, nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế nhưng tình trạng vi phạm vẫn tiếp diễn mặc dù mức độ vi phạm và các lỗi vi phạm có thay đổi.

Về số tiền phạt các DNNVV trong quá trình kê khai và nộp thuế TNDN: do số lượng DNNVV vi phạm tăng lên, do vậy số tiền phạt cũng theo đó mà gia tăng hơn nhưng tốc độ tăng không quá lớn.

Cụ thể, năm 2018, cơ quan Thuế tỉnh Thái Nguyên đã phạt các DNNVV vi phạm với tổng số tiền phạt là 1323 triệu đồng; năm 2019 tăng lên 1,74% ở mức 1346 triệu đồng, năm 2020 tăng 2,38% đạt mức 1378 triệu đồng.

Từ kết quả trên, cũng có thể thấy rằng, công tác kiểm tra đối với các DNNVV cũng đang dần hoàn thiện hơn trong những năm gần đây. Tuy nhiên việc lựa chọn doanh nghiệp để kiểm tra những doanh nghiệp có hành vi trốn thuế gian lận vẫn chưa kịp thời, vẫn còn tồn tại một số lượng doanh nghiệp bỏ kinh doanh trước khi được thanh tra, kiểm tra thuế.

Kiểm soát ở khâu thu nợ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên

Đối với toàn ngành thuế, để góp phần hoàn thành kế hoạch thu NSNN hàng năm, không thể không đề cập tới vai trò của công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 thay thế Quyết định số 2379/QĐ-TCT ngày 22/12/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý nợ thuế, thời gian qua, Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế - Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên đã triển khai đến các chi cục thuế các bước công việc như: thu thập thông tin, xác định đối tượng nợ, số tiền thuế nợ để lập chỉ tiêu thu nợ, phân loại nợ thuế và tổ chức thực hiện đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thể hiện qua bảng tổng hợp sau:

Bảng 5: Thực trạng nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2020

Đơn vị: Triệu đồng								
STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch năm 2019/2018		Chênh lệch năm 2020/2019	
					Giá trị	%	Giá trị	%
I	Tổng số thuế TNDN (1)	2.831.500	3.340.309	3.518.000	508.809	17,97	177.692	5,32
1	Số thuế TNDN của DNNVV (2)	740.000	710.500	780.000	-29.500	-3,99	69.500	9,78
	Tỷ lệ (2)/(1) (%)	26,13	26,39	22,17				
II	Tổng nợ thuế TNDN (3)	169.890	260.000	197.008	90.110	53,04	-62.992	-24,23
	Nợ thuế TNDN của DNNVV (4)	51.800	48.314	56.160	-3.486	-6,73	7.846	16,24
1	Tỷ lệ nợ thuế TNDN(4)/(2) (%)	7	6,8	7,2				
	Nợ thuế TNDN của DNNVV có khả năng thu (5)	51.613	48.144	56.002	-3.469	-6,72	7.858	16,32
	Tỷ lệ a = (5)/(4) (%)	99,64	99,65	99,72				
3	Nợ thuế TNDN của DNNVV khó thu (6)	187	170	158	-17	-9,09	-12	-7,06
	Tỷ lệ b = (6)/(4) (%)	0,36	0,35	0,28				

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

Từ bảng 3, cho thấy số nợ thuế TNDN nói chung, số nợ thuế TNDN của DNNVV, tỷ lệ nợ thuế TNDN của DNNVV khó thu so và tổng nợ thuế TNDN của DNNVV (tỷ lệ b) có xu hướng không ổn định, lúc tăng, lúc giảm. Tính đến ngày 31/12/2020 tổng số nợ thuế TNDN của DNNVV là 56.160 triệu đồng chiếm 7,2% tổng số thuế TNDN đối với DNVTN cần thu, trong đó, nợ thuế TNDN của DNNVV có khả năng thu là 56.002 triệu đồng, chiếm 99,72%; nợ thuế TNDN của DNNVV khó thu là 158 triệu đồng, chiếm 0,28%. Chỉ tiêu nợ thuế giai đoạn này tăng khá cao. Thực tế này xuất phát từ sự suy giảm nền kinh tế, đặc

biệt năm 2020 diễn ra đại dịch Covid, nhà nước đã có một số chính sách hoãn thuế, kéo dài thời gian thu thuế cho những doanh nghiệp gặp khó khăn.

Để đánh giá hoạt động kiểm soát thuế TNDN của các DNVTN trên địa bàn tỉnh, tác giả tiến hành khảo sát cán bộ thuế và DNVTN. Bằng các nhận định của kết quả điều tra, từ đó tác giả có căn cứ đánh giá và đưa ra những giải pháp tăng cường kiểm soát hoạt động này. Thông qua khảo sát điều tra 190 cán bộ thuế trên địa bàn tỉnh và 380 DNVTN về công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm soát thuế tại Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, kết quả thể hiện qua bảng số 6 và bảng số 7.

Bảng 6: Tổng hợp kết quả khảo sát cán bộ thuế về thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm soát thuế tại Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên

STT	Nhận định	Điểm trung bình	Ý nghĩa
I	Về lập dự toán thu thuế		
1	Công tác lập dự toán thực hiện đúng theo kế hoạch	3,03	Bình thường
2	Công tác lập dự toán được thực hiện có hiệu quả	3,41	Đồng ý
II	Về đăng ký thuế		
1	Thủ tục đăng ký thuế gọn nhẹ, thuận tiện	3,31	Bình thường
2	Thời gian nộp tờ khai được quy định rõ ràng	3,57	Đồng ý
III	Về kê khai thuế và nộp thuế		
1	Cơ chế tự khai tự nộp phù hợp	2,93	Bình thường
2	Phần mềm tin học hỗ trợ tốt cho việc kê khai	3,53	Đồng ý
3	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp thuế đầy đủ và đúng hạn	2,57	Không đồng ý
IV	Về tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế		
1	Tổ chức nhiều chương trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế	3,28	Bình thường
2	Hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú	2,59	Không đồng ý
3	Nội dung tuyên truyền được cập nhật	2,50	Không đồng ý
V	Về thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế		
1	Danh mục thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế được xây dựng đầy đủ, rõ ràng	2,91	Bình thường
2	Tổ chức thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế đúng quy định	3,50	Đồng ý
VI	Về thanh tra, kiểm tra thuế		
1	Đảm bảo đúng quy trình, quy định	3,46	Đồng ý
2	Kế hoạch thanh tra rõ ràng	2,88	Bình thường
3	Báo cáo sau thanh tra chi tiết, cụ thể	3,25	Bình thường
4	Giải pháp sau thanh tra có hiệu quả	2,56	Không đồng ý
VII	Về xử lý khiếu nại, tố cáo		
1	Quy trình xử lý khiếu nại, tố cáo rõ ràng, minh bạch	3,49	Đồng ý
2	Biện pháp xử lý mang tính răn đe	2,55	Không đồng ý

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát

Khảo sát cán bộ thuế và DN nộp thuế về hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm soát thuế tại các chi cục thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thu được kết quả rất khách quan. Thông qua việc thống kê các phiếu điều tra dành cho cán bộ thuế, kết quả bảng trên ta có thể thấy vẫn còn gặp khó khăn trong việc kiểm soát kê khai thuế mặc dù đã áp dụng kê khai thuế trực tuyến. Bản thân cán bộ thuế nhận thấy công tác tuyên truyền của tỉnh còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, nên vẫn còn tình trạng DNVTN chưa kê khai thuế hoặc kê khai

thuế chậm, làm cho cán bộ thuế khó khăn trong việc kiểm tra và kiểm soát thuế. Bên cạnh đó công tác thanh tra kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế ngoài việc thực hiện tốt đúng quy trình, quy định ra thì cần phải có kế hoạch thanh tra rõ ràng hơn nữa và giải pháp sau thanh tra cần thực hiện có hiệu quả. Về nhận định xử lý khiếu nại, tố cáo có điểm bình quân 3,49 đồng ý với quy trình khiếu nại, tố cáo rõ ràng minh bạch nhưng họ không thỏa mãn với biện pháp xử lý mang tính răn đe.

Bảng 7: Khảo sát các DN nộp thuế TNDN là chủ các DNNVV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

STT	Nhận định	Điểm trung bình	Ý nghĩa
I	Về cán bộ thuế		
1	Thái độ hoà nhã, lịch sự, nhiệt tình giải đáp thắc mắc	3,43	Đồng ý
2	Trình độ chuyên môn sâu, rộng	3,36	Bình thường
3	Kỹ năng nghiệp vụ thuần thục	3,39	Bình thường
II	Về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế		
1	Thủ tục đăng ký thuế gọn nhẹ, thuận tiện	3,03	Bình thường
2	Thời gian nộp tờ khai được quy định rõ ràng	3,42	Đồng ý
III	Về tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế		
1	Tổ chức nhiều chương trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế	2,99	Bình thường
2	Hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú	2,60	Không đồng ý
3	Nội dung tuyên truyền được cập nhật	2,82	Bình thường

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy người nộp thuế đánh giá rất thấp trong công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế. Công tác này chỉ đạt ở mức độ bình thường, và họ không đồng ý với nhân tố hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Với người nộp thuế họ nhận định về cán bộ thuế của Tỉnh, cách thức về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế chỉ ở mức bình thường. Đây cũng là thông tin cần lưu ý để nâng cao hơn nữa công tác này đối với Cục thuế tỉnh Thái Nguyên. Chính việc này làm ảnh hưởng đến việc người nộp thuế có thực hiện đúng quy trình hay không, có nộp đủ bộ hồ sơ kê khai thuế hay không. Nên việc kiểm soát thuế còn mất rất nhiều thời gian và đôi khi còn để tình trạng trốn thuế, gian lận trong việc kê khai thuế xảy ra.

3.2. Đánh giá tình hình kiểm soát thu thuế TNDN đối với DNNVV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Những kết quả đạt được

Công tác kiểm soát thu thuế TNDN đối với DNVVN tại Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên và các chi cục cơ bản đã thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của Ngành và đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần hoàn thành kế hoạch thu ngân sách chung của toàn Cục.

Công tác kiểm soát kê khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế: ngày càng được đầu tư và ứng dụng các trang thiết bị hiện đại. Các phần mềm hỗ trợ quản lý như: Công nghệ quét mã vạch hai chiều, công nghệ kê khai thuế qua mạng, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế cho người nộp thuế và các phần mềm quản lý thuế phục vụ nội bộ ngành thuế.

Công tác kiểm tra người nộp thuế: số tiền thuế phát hiện và truy thu qua công tác kiểm tra tăng dần qua từng năm, đặc biệt số thuế truy thu đối với sắc thuế TNDN tại Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên chiếm tỷ trọng khá lớn trên tổng truy thu người nộp thuế, điều này cho thấy chất lượng của công tác kiểm tra thuế và tính hiệu quả của việc quản lý thuế TNDN thực hiện qua công tác này khá tốt.

Công tác kiểm soát thu nợ thuế đã được thực hiện tương đối tốt. Kết quả thu nợ thuế đã góp phần hoàn thành kế hoạch thu ngân sách chung của toàn Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên.

Công tác giải quyết các khoản nợ chờ xử lý, chờ điều chỉnh đã được Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phối hợp với các phòng ban khác trong rà soát, đối chiếu, xử lý kịp thời nên số nợ thuế chờ xử lý chiếm tỷ trọng rất ít trong tổng nợ đồng thời phối hợp với các đơn vị chức năng thu hồi nợ cũ và nợ mới phát sinh.

3.2.2. Những tồn tại hạn chế

Qua khảo sát điều tra tác giả nhận thấy các doanh nghiệp trong ngành thương nghiệp thường âm thuế kéo dài dẫn đến thất thu thuế lớn. Đối với doanh nghiệp trong ngành vận tải, xây dựng, sản xuất vẫn còn hiện tượng các chủ doanh nghiệp không chịu kê khai nộp thuế, dây dưa chây ì nộp thuế, đặc biệt các doanh nghiệp xây dựng chưa xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu từng sản phẩm hoặc không đăng ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng sản phẩm theo quy định của Luật quản lý thuế.

Công tác thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện chưa nhiều. Đồng thời công tác thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thường được thực hiện theo phường, cán bộ theo dõi phường nào thì thực hiện kiểm tra người nộp thuế tại phường đó mà không thực hiện kiểm tra theo chuyên đề chuyên sâu.

Nhìn chung công tác thanh tra chưa thực sự đáp ứng yêu cầu quản lý thuế theo cơ chế người nộp thuế tự kê khai, tự nộp thuế, phương pháp, kỹ năng thanh tra còn chậm chuyển biến chưa theo kịp diễn biến và sự phát triển nhanh chóng của các tập đoàn, công ty đa quốc gia đa ngành nghề, lĩnh vực... Một bộ phận cán bộ quản lý thuế trình độ hiểu biết và thực thi chính sách thuế, kỹ năng quản lý chuyên sâu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính trong quản lý thuế.

3.3. Biện pháp tăng cường kiểm soát thu thuế TNDN đối với DNNVV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Đề hạn chế tình trạng các doanh nghiệp thương nghiệp thường âm thuế kéo dài dẫn đến thất thu thuế lớn cần phải thực hiện nghiêm túc định kỳ mỗi quý một lần và liên tục 3 quý hoặc đột xuất công tác kiểm kê hàng tồn kho thật hay giả. Kết hợp kiểm tra giá, sát sao tỷ lệ bán lẻ, ấn định tỉ lệ bán lẻ trên doanh thu và yêu cầu doanh nghiệp kê khai từng hàng tháng, quý. Trong trường hợp doanh nghiệp có hàng tồn kho thực tế dẫn đến âm thuế GTGT kéo dài phải lập biên bản và yêu cầu doanh nghiệp giải trình, chống tình trạng mua bán hóa đơn bất hợp pháp.

Đối với các doanh nghiệp xây dựng cần giám sát báo cáo quyết toán thuế hàng năm cơ quan thuế cần chú ý số dư trên tài khoản 131, nếu số dư có lớn cộng với việc số dư nợ trên tài khoản 154 lớn cần đưa vào danh sách doanh nghiệp rủi ro cao và đề xuất kiểm tra quyết toán tại doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp sản xuất cần phải xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng sản phẩm và gửi cho cơ quan thuế, xử lý nghiêm các đơn vị không thực hiện. Đối với các đơn vị không đăng ký mức tiêu hao nguyên vật liệu, phải ấn định mức tiêu hao từng sản phẩm theo quy định của Luật thuế.

Đẩy mạnh đơn giản hoá thủ tục hành chính thuế, thực hiện cơ chế liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan, nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký khai thuế cho doanh nghiệp.

Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp nộp thuế: Nghiên cứu áp dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế; công khai các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý tại trụ sở cơ quan thuế các cấp, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử ngành thuế để người nộp thuế biết và giám sát việc thực thi pháp luật thuế của công chức thuế;

Đổi mới và tăng cường năng lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ đối với người nộp thuế xây dựng, ban hành chế độ quy định về quản lý thanh tra, kiểm tra thuế đối với NNT trên cơ sở quản lý rủi ro, nhằm giảm bớt phiền hà cho NNT, đồng thời phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp không tuân thủ pháp luật thuế, góp phần nâng cao tính tuân thủ của NNT và đảm bảo bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ thuế; tăng cường đổi mới áp dụng các biện pháp, kỹ năng để giám sát quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; giải quyết chính xác, kịp thời các trường hợp khiếu nại tố cáo về thuế.

Tập trung xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý thuế hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan thuế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất; cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp với nhiệm vụ quản lý thuế, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức thuế chuyên nghiệp, chuyên sâu, trung thực, trong sạch; tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công vụ để đảm bảo kỷ cương, kỷ luật hành chính và liêm chính của cán bộ, công chức thuế.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ quản lý thuế; phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế mở rộng diện doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính thuế như đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế... qua hình thức điện tử; Hiện đại hóa, tự động hóa và tích hợp trong quản lý đăng ký kinh doanh và quản lý cấp mã số thuế.

4. Kết luận và các khuyến nghị

4.1. Kết luận

Công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên thời gian qua đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, góp phần vào tăng thu cho NSNN cũng như thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên đã dựa trên những đặc điểm chung về hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm và hạn chế nhất định trong công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DNNVV tỉnh Thái Nguyên. Và căn cứ vào những hạn chế, nhóm tác giả đã đưa ra các giải pháp để tăng cường kiểm soát thuế đối với các DNNVV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Các khuyến nghị

Đối với Chính phủ và Bộ Tài chính:

Trước khi ban hành thông tư, nghị định Bộ Tài chính và Tổng cục thuế nên có những phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của mỗi vùng trên cả nước để từ đó đưa ra những chính sách phù hợp nhất, có thể áp dụng và mang lại hiệu quả cho tất cả các địa bàn.

Luật cần quy định chặt chẽ hơn đối với các điều kiện để thành lập doanh nghiệp, các chứng từ chứng nhận đăng ký kinh doanh như trụ sở, địa điểm, mặt hàng, ngành nghề kinh doanh giảm thiểu tình trạng các doanh nghiệp mọc lên tràn lan, hoạt động không có hiệu quả gây tổn thất không chỉ cho kinh tế mà còn ảnh hưởng tới hoạt động quản lý thuế, giải quyết tồn đọng nợ thuế.

Tăng cường trao đổi những thông tin về thuế, tài chính của tất cả các cấp trong cả nước thông qua các phần mềm ứng dụng công nghệ tin học.

Đối với Tổng cục Thuế:

Văn bản hướng dẫn chính sách thuế phải nhất quán, đồng bộ, rõ ràng; xây dựng các quy trình quản lý thu thuế theo chức năng không chồng

chéo; thủ tục cưỡng chế nợ thuế còn phức tạp cần phải đơn giản, gọn nhẹ.

Tuyên dụng cán bộ thuế cần chú trọng tập trung năng lực, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và khâu tuyển dụng phải thực sự chuyên nghiệp.

Công tác cấp mã số thuế đối với doanh nghiệp mới thành lập cần phân cấp cho Chi cục thuế thực hiện để dễ theo dõi, quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thuế Thái Nguyên. (2020). *Báo cáo tổng kết Cục thuế Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020*.
- [2]. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2019). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên*, Nxb Thống kê. Hà Nội.
- [3]. Đỗ Huy Kỳ. (2016). Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi Cục Thuế thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, *Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế*.
- [4]. Lê Thị Minh Phượng. (2018). Một số trao đổi về định hướng hoàn thiện chính sách thuế TNDN ở Việt Nam” nghiên cứu, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 1 - Tháng 06/2018 (682).
- [5]. Lê Thị Minh Phượng. (2019). Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, *Luận án tiến sĩ*.
- [6]. Quốc hội (2008), *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008*, Hà Nội.
- [7]. Quốc hội (2013), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013*, Hà Nội.
- [8]. Quốc hội. (2017). *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017*, Hà Nội.
- [9]. Quốc hội. (2019). *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019*, Hà Nội.
- [10]. Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 thay thế Quyết định số 2379/QĐ-TCT ngày 22/12/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý nợ thuế, thời gian qua, Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế - Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên
- [11]. Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/ (5/2021). *Báo cáo tổng hợp số liệu doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020*.
- [12]. Tổng Cục Thuế. (2011). *Chương trình cải cách và hiện đại hoá ngành thuế từ năm 2011 đến năm 2020*, NXB Tài chính, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Kim Nhung

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: khanhha24507@gmail.com

2. Nguyễn Thị Linh Trang

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

3. Lê Thu Hoài

-Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 13/05/2021

Ngày nhận bản sửa: 25/5/2021

Ngày duyệt đăng: 30/5/2021